

Cty Me
Cty Me
TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 04 THÁNG 01 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 45

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 02, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 (kỳ kế toán đầu tiên kể từ khi Tổng Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Duy Hùng	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên
3. Ông Lê Anh Dũng	Ủy viên
4. Bà Phạm Thị Tâm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2016)
5. Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2016)
6. Ông Nguyễn Tiến Thanh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2016)
7. Ông Nguyễn Tất Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 30/06/2016)

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Thanh Bình	Tổng Giám đốc
--------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 188.03/2017/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ Phần

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần, được lập ngày 31 tháng 03 năm 2017, từ trang 6 đến trang 45 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin nhấn mạnh rằng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo số vốn đã góp đủ theo Đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn Nhà nước giữa Nhà nước và Tổng công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.



Nguyễn Như Phương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2021-2013-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và
Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)
Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tạ Thị Hải Ninh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1613-2015-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.563.469.291.918	328.009.377.568
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	78.909.624.535	189.012.910.627
1. Tiền	111		77.209.624.535	189.012.910.627
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.445.407.575.504	84.867.437.902
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	329.538.766.895	19.296.605.967
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.263.623.324	791.578.947
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	3.955.795.140.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	165.135.432.795	60.534.726.936
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.325.387.510)	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	4.244.526.052
III. Hàng tồn kho	140		30.398.032.064	52.122.171.213
1. Hàng tồn kho	141	V.7	30.398.032.064	52.122.171.213
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.754.059.815	2.006.857.826
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14a	48.435.519	404.659.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.565.341.105	1.385.490.757
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18a	140.283.191	216.707.829
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		837.414.762.791	437.928.030.384
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		151.212.270.929	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	151.212.270.929	-
II. Tài sản cố định	220		47.034.410.747	49.757.625.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	44.534.272.771	47.037.267.527
- Nguyên giá	222		109.750.855.512	107.516.293.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.216.582.741)	(60.479.026.167)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	2.500.137.976	2.720.358.238
- Nguyên giá	228		3.853.926.876	3.916.782.058
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.353.788.900)	(1.196.423.820)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.429.357.810	4.257.732.083
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	4.429.357.810	4.257.732.083
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		617.509.535.447	365.214.753.097
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	5.447.612.171	5.447.612.171
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	237.780.387.904	257.289.228.154
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	376.484.305.253	102.477.912.772
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.202.769.881)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.229.187.858	18.697.919.439
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14b	17.229.187.858	18.697.919.439
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.400.884.054.709	765.937.407.952

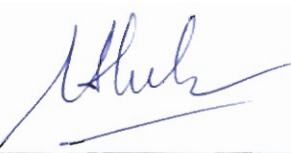
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	04/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.654.431.173.475	93.268.619.346
I. Nợ ngắn hạn	310		4.650.882.373.475	93.268.619.346
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.620.261.359.116	10.922.223.549
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	201.127.435.248	188.501.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	5.441.237.517	14.035.388.667
4. Phải trả người lao động	314		10.172.148.116	2.630.580.289
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	53.544.144.403	516.727.633
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	720.336.049.075	52.575.892.714
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	40.000.000.000	4.885.892.788
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	7.513.412.523
II. Nợ dài hạn	330		3.548.800.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19c	3.548.800.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		746.452.881.234	672.668.788.606
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	746.452.881.234	672.668.788.606
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		713.000.000.000	633.738.138.626
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	22.421.127.209
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	16.323.004.781
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	186.517.990
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.452.881.234	-
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		33.452.881.234	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.400.884.054.709	765.937.407.952



Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃU SỐ B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.147.233.516.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.147.233.516.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.043.862.436.411
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		103.371.079.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	135.611.460.075
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	148.201.639.188
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.127.650.696
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.826.911.620
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	44.102.931.612
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.851.057.641
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.076.382.612
12. Chi phí khác	32	VI.8	813.076.468
13. Lợi nhuận khác	40		263.306.144
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.114.363.785
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	5.661.482.551
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.452.881.234
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-

Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

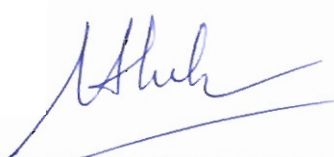
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

MÃ SỐ B03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	39.114.363.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	5.007.776.836
Các khoản dự phòng	03	8.528.157.391
(Lãi)/Lỗ CLTG hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(692.148.944)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134.101.426.779)
Chi phí lãi vay	06	9.127.650.696
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(73.015.627.015)
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(505.547.908.236)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	21.724.139.149
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	4.559.340.493.149
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.824.955.302
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.127.650.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.500.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.225.743.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.989.472.658.554
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.456.187.545)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	10.000.000
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(3.955.795.140.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(274.382.606.613)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	47.973.020.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.960.862.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.134.690.051.858)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ đi vay	33	122.789.818.909
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(87.675.711.697)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	35.114.107.212
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(110.103.286.092)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	189.012.910.627
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	78.909.624.535


Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017


Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 04/01/2016

đến ngày 31/12/2016

MÃU SỐ B09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty TNHH MTV. Tổng Công ty được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0113543 ngày 04 tháng 7 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 400.000.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 636/QĐ-TTg ngày 13 tháng 05 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức đổi tên thành Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần. Vốn điều lệ của Tổng Công ty sau khi chuyển đổi mô hình sang Công ty Cổ phần là 713.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty bao gồm:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexo	Số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội Quốc lộ 13, huyện Chờn Thành, tỉnh Bình Phước

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 246 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi;
- Trồng rừng và khai thác lâm sản khai thác trừ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Khai thác, nuôi trồng, sản xuất giống thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản thực phẩm, đồ uống, thịt, sản phẩm từ thịt, hàng hóa nông sản;
- Sản xuất, kinh doanh, chế biến hàng nông sản;
- Sản xuất sản phẩm từ nhựa, thủy tinh, vật liệu từ đất sét, máy móc nông nghiệp, máy chế biến thực phẩm;
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng rau quả, nông sản phẩm, vật tư thiết bị;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; và
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng công ty dưới hình thức công ty cổ phần.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT - BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán liên quan.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, giá trị quyền sử dụng đất, lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất đối với giá trị quyền sử dụng đất và trong thời gian không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành đối với các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê đất.

Lợi thế thương mại phát sinh từ khi Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức kinh doanh từ mô hình công ty nhà nước sang công ty cổ phần. Lợi thế thương mại phát sinh được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đánh giá lại tài sản được ghi nhận theo giá trị định giá của các tổ chức định giá chuyên nghiệp xác định.

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn 10 năm, phần mềm máy vi tính và các tài sản cố định vô hình khác.

Giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

Giá trị phần mềm máy vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Giá trị tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	10
Phần mềm máy tính	03

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là số lợi nhuận lũy kế của kết quả hoạt động kinh doanh chưa quyết toán hoặc chưa được phân phối lại tại ngày lập báo cáo. Đại hội đồng cổ đông sẽ phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp và thực hiện phân phối lợi nhuận để trích lập các quỹ, chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn hoặc để lại bổ sung vốn kinh doanh như hợp với các quy định pháp lý hiện hành, theo Điều lệ Tổng Công ty và các Nghị quyết được thông qua tại Đại hội cổ đông.



IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ hoạt động được trình bày tại thuyết minh số VII.2

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ hoạt động. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

MÀU SỐ B09- DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
Tiền mặt	389.395.854	2.657.513.885
Tiền gửi ngân hàng	76.820.228.681	186.355.396.742
Các khoản tương đương tiền (i)	1.700.000.000	-
Cộng	78.909.624.535	189.012.910.627

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất từ 4,2%-4,8%/năm.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty CP Kinh doanh và Thương mại Thịnh Phát	87.529.895.534	-
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ	74.267.433.704	-
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	14.201.102.397	-
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Thương mại Quang Vinh	48.680.754.256	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm	74.597.587.230	-
Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	26.473.000.000	-
Barrow Lane Ballard Ltd.	-	2.781.555.000
C.G Hacking & Sons Ltd.	-	2.710.837.500
Scaizo Food Industries	-	5.107.375.000
Các đối tượng khác	3.788.993.774	8.696.838.467
Cộng	329.538.766.895	19.296.605.967
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2)	88.468.536.101	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
Công ty TNHH Phát triển hoa lan An Long Kim - Quý Châu - Trung Quốc	479.709.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hoa Hồng Văn Nam	183.120.000	-
Công ty Thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang	-	285.113.290
Các đối tượng khác	600.794.324	506.465.657
Cộng	1.263.623.324	791.578.947

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09- DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (i)	3.495.795.140.000	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ (ii)	460.000.000.000	-
Cộng	3.955.795.140.000	-
b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2)	3.955.795.140.000	-
(i) Khoản tiền cho vay ngắn hạn đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01/03/2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T được phép sử dụng một phần vốn nhân rồi của Tổng Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi suất sử dụng vốn dao động từ 8% - 9%/năm.		
(ii) Khoản tiền cho vay với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ Nghệ theo Hợp đồng hợp tác số 2505-2016/VEG-ART/61K ngày 25/05/2016. Theo đó, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ Công Mỹ Nghệ được phép sử dụng một phần vốn nhân rồi của Tổng Công ty theo điều khoản thỏa thuận trên Hợp đồng. Lãi suất sử dụng vốn là 9%/năm.		

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	940.573.673	481.257.640
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	28.330.523.690	90.572.340
Phải thu ngắn hạn khác	135.864.335.432	59.962.896.956
<i>Bố Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn (Phải thu về hoạt động phục vụ dự trữ quốc gia)</i>	<i>384.505.068</i>	<i>1.040.101.428</i>
<i>Công ty Cổ phần tập đoàn T&T (i)</i>	<i>89.584.617.236</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ (ii)</i>	<i>7.590.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty TNHH 2 thành viên Chipsgood</i>	<i>4.461.372.310</i>	<i>4.437.372.517</i>
<i>Phải thu về cổ tức</i>	<i>10.905.244.526</i>	<i>48.114.328.732</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>22.938.596.292</i>	<i>6.371.094.279</i>
Cộng	165.135.432.795	60.534.726.936
c. Phải thu khác là các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.2)	110.564.777.807	20.191.048.778
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược ký quỹ dài hạn	151.212.270.929	-
Cộng	151.212.270.929	-

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016
MÃU SỐ B09- DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác (Tiếp theo)

(i) Đây là các khoản phải thu các khoản lãi cho vay tương ứng của Hợp đồng hợp tác số 06/2016/RQNS -TT ngày 01/03/2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T.

(ii) Đây là các khoản phải thu các khoản lãi cho vay tương ứng Hợp đồng hợp tác số 2505-2016/VEG-ART/61K ngày 25/05/2016 giữa Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần và Công ty Cổ phần Xuất khẩu thủ Công Mỹ Nghệ.

6. Nợ xấu

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhà máy Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	898.008.849	898.008.849	-
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	479.948.299	479.948.299	-
Công ty Liên Doanh LUVICO	1.370.244.949	1.370.244.949	1.370.244.949	-
Công ty TNHH Lê Quốc	234.029.172	234.029.172	234.029.172	-
Công ty Cổ phần thực phẩm Xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	572.549.294	572.549.294	-
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	478.336.693	478.336.693	-
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	588.012.703	588.012.703	-
Công ty TNHH Nông Sản và Thực phẩm Hà Nội	474.340.580	474.340.580	474.340.580	-
Các đối tượng khác	1.229.916.971	1.229.916.971	1.229.916.971	-
Cộng	6.325.387.510	6.325.387.510	6.325.387.510	-

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

MAU SỐ B09- DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Hàng tồn kho

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.232.917.015	-	13.225.272.688	-
Công cụ, dụng cụ	1.305.376.675	-	1.481.622.551	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.405.426.912	-	6.511.306.504	-
Thành phẩm	2.565.561.297	-	14.555.139.928	-
Hàng hoá	8.888.750.165	-	16.348.829.542	-
Cộng	30.398.032.064	-	52.122.171.213	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư tại 04/01/2016	88.082.492.933	11.743.103.976	6.870.076.786	820.619.999	107.516.293.694
Mua trong kỳ	-	1.920.000.000	-	53.181.818	1.973.181.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Cải tạo, nâng cấp	311.380.000	-	-	-	311.380.000
Số dư tại 31/12/2016	88.393.872.933	13.613.103.976	6.870.076.786	873.801.817	109.750.855.512
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 04/01/2016	50.796.064.085	5.344.713.373	3.846.184.880	492.063.829	60.479.026.167
Khấu hao trong kỳ	3.183.306.342	936.086.864	527.069.039	141.094.329	4.787.556.574
Thanh lý, nhượng bán	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Số dư tại 31/12/2016	53.979.370.427	6.230.800.237	4.373.253.919	633.158.158	65.216.582.741
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 04/01/2016	37.286.428.848	6.398.390.603	3.023.891.906	328.556.170	47.037.267.527
Số dư tại 31/12/2016	34.414.502.506	7.382.303.739	2.496.822.867	240.643.659	44.534.272.771

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng là 3.822.698.018 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**TÔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016
MAU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất có thời hạn		Phần mềm		TSCĐ khác		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND	
NGUYÊN GIÁ								
Số dư tại ngày 04/01/2016	3.423.426.876		430.500.000		62.855.182		3.916.782.058	
Giảm khác	-		-		(62.855.182)		(62.855.182)	
Số dư tại ngày 31/12/2016	3.423.426.876		430.500.000		-		3.853.926.876	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ								
Số dư tại ngày 04/01/2016	841.829.561		323.166.667		31.427.592		1.196.423.820	
Khấu hao trong kỳ	132.792.670		56.000.002		31.427.590		220.220.262	
Giảm khác	-		-		(62.855.182)		(62.855.182)	
Số dư tại ngày 31/12/2016	974.622.231		379.166.669		-		1.353.788.900	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI								
Số dư tại ngày 04/01/2016	2.581.597.315		107.333.333		31.427.590		2.720.358.238	
Số dư tại ngày 31/12/2016	2.448.804.645		51.333.331		-		2.500.137.976	

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng là 274.734.982 đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Công trình số 58 Lý Thái Tổ	3.888.548.810	3.888.548.810
Công trình kho Thường Tín	369.183.273	369.183.273
Công trình số 2 Phạm Ngọc Thạch	171.625.727	-
Cộng	4.429.357.810	4.257.732.083

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016
MÃU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

II. Đầu tư vào Công ty con	31/12/2016		04/01/2016			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH 2TV Chipsgood	1.989.900	5.447.612.171	(1.380.677.594)	1.989.900	5.447.612.171	-
Cộng		5.447.612.171	(1.380.677.594)		5.447.612.171	-

Thông tin chi tiết về công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH 2TV Chipsgood - Vegetexco	Hưng Yên	90,00%	Sản xuất, chế biến nông sản

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính công hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016
MÃ SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2016				04/01/2016			
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Tân Bình	200.000	20.152.093.367	(*)	-	200.000	20.152.093.367	(*)	-
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	210.000	4.506.659.196	(*)	(822.092.287)	210.000	4.506.659.196	(*)	-
Công ty Hợp sát TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	27.719.562.751	27.719.562.751	(*)	-	27.719.562.751	27.719.562.751	(*)	-
Công ty CP Sản xuất & Dịch vụ XNK rau quả Sài Gòn (i)	-	-	(*)	-	371.500	4.067.491.971	(*)	-
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	4.163.884	54.877.127.996	(*)	-	4.163.884	54.877.127.996	(*)	-
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	26.250	3.188.457.664	(*)	-	26.250	3.188.457.664	(*)	-
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	10.816	1.155.755.413	(*)	-	10.816	1.155.755.413	(*)	-
Công ty Cổ Phần Cảng Rau Quả (ii)	3.156.600	57.765.780.000	97.223.280.000	-	3.156.600	57.765.780.000	57.765.780.000	-
Công ty CP in và bao bì Mỹ Châu (iii)	5.898.160	58.981.600.000	122.091.912.000	-	5.898.160	58.981.600.000	58.981.600.000	-
Công ty CP XNK Rau Quả SG	69.564	9.433.351.517	(*)	-	69.564	9.433.351.517	(*)	-
Công ty CP Vận tải và Thương mại (VITRANIMEX) (iv)	-	-	-	-	122.500	15.441.348.279	(*)	-
Cộng		237.780.387.904	219.315.192.000	(822.092.287)		257.289.228.154	116.747.380.000	

(i) Tổng công ty thực hiện giảm vốn góp đầu tư vào công ty liên doanh liên kết là Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Xuất Nhập khẩu Rau quả Sài Gòn theo phương thức chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Điều Việt Hà theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 27/05/2016, theo đó giá chuyển nhượng là 25.000 đồng/cổ phần. Tổng giá trị hợp đồng là 9.287.500.000 đồng. Lợi nhuận phát sinh từ giao dịch này là 5.220.008.029 VND.

(ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Rau quả (mã cổ phiếu VGIP - niêm yết trên sàn HNX) được quy đổi theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính là 30.800 VND/cổ phiếu, tương ứng với 3.156.600 cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ. Giá trị hợp lý là 97.223.280.000 VND.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 04/01/2016

đến ngày 31/12/2016

MAU SỐ B09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết (Tiếp theo)

(iii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (mã cổ phiếu MCP – niêm yết trên sàn HOSE) được quy đổi theo giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính là 20.700 VND/cổ phiếu, tương ứng với 5.898.160 cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ. Giá trị hợp lý là 122.091.912.000 VND.

(iv) Tổng Công ty thực hiện giám vốn vào công ty liên doanh liên kết là Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại (VITRALIMEX) theo hợp đồng ký ngày 15/09/2016 về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần cho ông Bùi Văn Long với tổng giá trị là 26.950.000.000 đồng. Tổng số lượng cổ phiếu chuyển nhượng là 122.500 cổ phiếu, trong đó bao gồm 51.520 cổ phiếu nhận từ chia cổ tức. Lợi nhuận phát sinh từ giao dịch này là 11.508.651.721 VND.

(*) Tổng Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Tân Bình	TP. HCM	20,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
2	Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Thanh Hóa	21,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
3	Công ty Hợp tác TOVI:CAN (Tovecan Corporation Limited)	TP. HCM	22,64%	Sản xuất vỏ hộp sắt
4	Công ty CP Thực phẩm và Nước giải khát Dona Newtower	Đông Nai	32,36%	Sản xuất kinh doanh nước giải khát trái cây
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất Nhập khẩu	Hà Nội	35,00%	Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư nông sản
6	Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VI.XD	Hà Nội	36,00%	Xây dựng, vật liệu xây dựng
7	Công ty Cổ phần Càng Rau Quả	TP. HCM	38,43%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
8	Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	TP. HCM	39,13%	Sản xuất kinh doanh bao bì hộp sắt
9	Công ty Cổ phần XNK Rau Quả	TP. HCM	45,00%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016

MAU SỐ 809 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	31/12/2016		04/01/2016					
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Rau quả Tiên Giang	200.000	3.125.003.792	(*)	-	200.000	3.125.003.792	(*)	-
Công ty CP TPXK Đồng Giao	400.000	6.861.472.869	(*)	-	400.000	6.861.472.869	(*)	-
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội		80.421.436.800	(*)	-		80.421.436.800	(*)	-
Công ty CP VIAN	174.880	1.891.647.209	(*)	-	174.880	1.891.647.209	(*)	-
Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	11.892	2.430.117.352	(*)	-	11.892	2.430.117.352	(*)	-
Công ty CP XNK RQ Hải Phòng	112.949	1.397.928.331	(*)	-	112.949	1.397.928.331	(*)	-
Công ty CP XNK Rau quả I	-	-	-	-	586.776	6.350.306.419	(*)	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (t)	18.710.400	280.356.698.900	(*)	-	-	-	(*)	-
Cộng		376.484.305.253	-	-		102.477.912.772	-	-

Thông tin chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Rau quả Tiên Giang	Tiên Giang	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
2	Công ty CP TPXK Đồng Giao	Ninh Bình	10,00%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh
3	Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	Hà Nội	14,40%	Sản xuất lon nhôm
4	Công ty Cổ phần VIAN	Hà Nội	14,57%	Sản xuất, Kinh doanh nước quả đóng hộp
5	Công ty CP XNK Nông Lâm Sản Chế biến	Hà Nội	16,52%	Sản xuất kinh doanh nông lâm sản, giống cây
6	Công ty CP XNK Rau quả Hải Phòng	Hải Phòng	18,83%	Sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (t)	Ninh Bình	36,10%	Sản xuất kinh doanh rau quả hộp, đông lạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

(i) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà bằng việc thực hiện mua cổ phần theo Quyết định về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà và hợp đồng chuyển nhượng vốn số 02/HDCNC/P/VH-VF.GE.TEX.CO ngày 17/03/2016. Theo đó, Tổng Công ty nắm giữ 27.758.089 cổ phần tương ứng với 36,10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà chưa thực hiện Đại hội Cổ đông lần đầu tiên, do vậy, số cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà đang trình bày tại chi tiêu “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác”.

(*) Tổng Công ty không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đề thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

14. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ dụng cụ xuất dùng

Cộng

b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí thuê đất

Lợi thế thương mại (i)

Công cụ dụng cụ xuất dùng

Cộng

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
	48.435.519	404.659.240
	48.435.519	404.659.240
	13.559.729.166	13.926.208.333
	2.991.025.586	4.486.538.379
	678.433.106	285.172.727
	17.229.187.858	18.697.919.439

(i) Lợi thế thương mại được ghi nhận khi Tổng Công ty chuyển đổi hoạt động từ loại hình doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần. Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
MAU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		04/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
a. Phải trả khách hàng về UPAS trả chậm nước ngoài liên quan đến các khách hàng (i)				
PT.Charoen Pokphand Indonesia	462.256.407.000	462.256.407.000	-	-
PT Japfa Comfeed Indonesia TBK	367.487.904.720	367.487.904.720	-	-
Midstar	321.885.960.000	321.885.960.000	-	-
CHS Europe Sarl	736.447.632.990	736.447.632.990	-	-
Marubeni Grain	417.991.387.265	417.991.387.265	-	-
Ulusoy Un Sanayi Ve Ticaret A.S	220.749.637.500	220.749.637.500	-	-
Engelhart	212.497.501.566	212.497.501.566	-	-
Posco Daewoo Corporation	150.081.038.100	150.081.038.100	-	-
b. Phải trả người bán trong nước				
Công ty Cổ phần Dầu tự Hoàn Kiếm	622.975.906.280	622.975.906.280	-	-
Phải trả người bán khác	107.887.983.695	107.887.983.695	10.922.223.549	10.922.223.549
Cộng	3.620.261.359.116	3.620.261.359.116	10.922.223.549	10.922.223.549

(i) Công ty thực hiện mở UPAS trả chậm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHIB) để thực hiện thanh toán trả chậm cho các đơn hàng mua nhập khẩu. Thời gian trả chậm từ 5 đến 8 tháng tùy từng UPAS phát sinh. Phí UPAS áp dụng là từ 2,93% đến 3,36%. Toàn bộ gốc và phí phát sinh được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
Mẫu số B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
	Công ty Cổ phần Hum	173.785.983.080	-
	Công ty CP Dầu tư và Tư vấn Tài chính Quốc tế	27.096.732.168	-
	Công ty Cổ phần WILSON Việt Nam	234.320.000	-
	Các đối tượng khác	10.400.000	188.501.183
	Cộng	201.127.435.248	188.501.183
17.	Chi phí phải trả ngắn hạn		
	Chi phí lãi vay trích trước	8.547.340.277	-
	Trích trước phí UPAS	44.381.361.547	-
	Chi phí bóc xếp hàng	82.741.519	497.540.962
	Chi phí khác	532.701.060	19.186.671
	Cộng	53.544.144.403	516.727.633
		31/12/2016	04/01/2016
		VND	VND

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦNSố 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016**MAU SỐ B09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****18. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước****a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm VND	04/01/2016 VND
Thuế GTGT	15.709.824	1.497.236	17.207.060	-
Thuế nhà thầu	102.856.063	-	-	102.856.063
Thuế Thu nhập cá nhân	21.717.304	-	21.717.304	-
Tiền thuế đất	-	367.691.766	253.840.000	113.851.766
Cộng	140.283.191	369.189.002	292.764.364	216.707.829

b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng	14.194.917	383.642.670	369.447.753	-
Thuế TNDN	3.161.482.551	5.661.482.551	2.500.000.000	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	139.393.954.719	139.393.954.719	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.791.666	1.160.643.881	1.789.128.372	659.276.157
Tiền thuế đất	-	4.362.839.248	4.965.793.028	602.953.780
+ Tiền thuế đất Cầu Diễn	-	1.913.616.926	2.379.482.688	465.865.762
+ Tiền thuế đất 58 Lý Thái Tổ	-	523.360.992	660.449.010	137.088.018
+ Tiền thuế đất Số 2 Phạm Ngọc Thạch	-	1.645.433.056	1.645.433.056	-
+ Tiền thuế đất Cầu Tiên	-	280.428.274	280.428.274	-
Các loại phí, lệ phí, phải nộp NSNN khác	2.234.768.383	80.465.925	10.618.856.272	12.773.158.730
Cộng	5.441.237.517	151.043.028.994	159.637.180.144	14.035.388.667

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính (tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016

MAU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác		
a. Phải trả ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn;	70.115.638	45.692.720
- Bảo hiểm xã hội;	-	5.958.171
- Phải trả tiền cổ phần hóa	9.417.885.385	50.228.257.099
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	710.848.048.052	2.295.984.724
Phải trả về cửa hàng rau sạch	-	10.362.967
Phải trả tiền phí bảo quản dự trữ quốc gia	44.685.000	241.588.634
Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt (i)	484.125.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T (ii)	191.646.298.900	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ (iii)	13.259.620.027	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Quốc Tế (iii)	13.544.217.620	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hoàn Kiếm (iii)	5.223.534.948	-
Phí dịch vụ tư vấn hoàn thành quá trình cổ phần hóa	-	130.000.000
Trợ cấp thôi việc Tạ Đình Thọ	-	158.057.320
Trợ cấp thôi việc Đào Sinh Khánh	-	121.406.250
Phí kiểm toán bàn giao xác định giá trị doanh nghiệp	-	150.000.000
Công ty Phục phẩm Xuất khẩu Tân Bình	-	1.073.902.292
Các khoản phải trả khác	3.004.691.557	410.667.261
Cộng	720.336.049.075	52.575.892.714
b. Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan		
<i>(Xem tại thuyết minh VII.2)</i>	204.905.918.927	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác (Tiếp theo)

c. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn

Cộng

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
	3.548.800.000	-
	3.548.800.000	

(i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01-2016/HTKD/VEG-GHV ngày 20/09/2016 giữa Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt và Tổng công ty rau quả, nông sản - Công ty Cổ phần, hai bên cùng thực hiện việc Hợp tác đầu tư kinh doanh nông sản và thương mại. Hình thức hợp tác: Hai bên cùng góp vốn triển khai các dự án đầu tư mà Tổng Công ty rau quả, nông sản - Công ty cổ phần đang thực hiện. Thời hạn hợp tác: 6 tháng. Tổng vốn đầu tư: 1.694.282.600.000 đồng. Theo đó, Công ty TNHH MTV Gia Bảo Việt góp 495.000.000.000 đồng, Tổng Công ty góp 1.199.282.600.000 đồng. Lợi nhuận được chia theo tỉ lệ vốn góp thực tế vào thời điểm kết thúc hợp đồng.

(ii) Khoản phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 032016/HĐHĐ/T&T ngày 22 tháng 01 năm 2016 và các phụ lục hợp đồng số 01-032016/HĐHĐ/T&T ngày 15 tháng 01 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số 02-032016/HĐHĐ/T&T ngày 22 tháng 04 năm 2016, theo đó, Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần hợp tác cùng Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T cùng mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà, trong đó phần vốn góp của T&T là 191.646.298.900 đồng và phần vốn góp của Tổng Công ty là 88.710.400.000 đồng. Tổng Công ty chịu trách nhiệm đứng tên toàn bộ số cổ phiếu trúng đấu giá. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn.

(iii) Đây là những khoản phải trả tiền lãi tương ứng với những khoản ứng trước của các hợp mua bán hàng hóa đối với những khách hàng nêu trên.

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

	31/12/2016		Phát sinh		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
20. Vay và nợ ngắn hạn					
Vay ngân hàng					
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	-	82.789.818.909	87.675.711.697	4.885.892.788
Ngân hàng Eximbank - CN Long Biên	-	-	-	728.358.288	728.358.288
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	-	-	810.790.020	4.968.324.520	4.157.534.500
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Thủy	-	-	31.979.028.889	31.979.028.889	-
Vay cá nhân (i)					
Nguyễn Ngọc Nghị	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
Nguyễn Tài Hiếu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Nguyễn Phú Quân	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Vũ Ngọc Tuấn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	122.789.818.909	87.675.711.697	4.885.892.788

(i) Các khoản vay các nhân có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay là 8,5%/năm.

TONG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN CÔNG TY CỔ PHẦN
Số 2, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016
MAU SỐ B09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá của tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	690.757.042.646		22.421.127.209		8.817.740.479		-		186.517.990			722.182.428.324
Tăng trong kỳ	13.926.208.333		-		-		25.017.547.672		-			38.943.756.005
Phân phối lợi nhuận	-		-		7.505.264.302		(25.017.547.672)		-			(17.512.283.370)
Giảm trong năm	(70.945.112.353)		-		-		-		-			(70.945.112.353)
Số dư tại ngày 04/01/2016	633.738.138.626		22.421.127.209		16.323.004.781		-		186.517.990			672.668.788.606
Vốn góp tăng trong năm	79.261.861.574		(22.421.127.209)		(16.323.004.781)		-		(186.517.990)			40.331.211.594
Tăng trong kỳ	-		-		-		33.452.881.234		-			33.452.881.234
Số dư tại ngày 31/12/2016 (i)	713.000.000.000		-		-		33.452.881.234		-			746.452.881.234

(i) Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị khoản mục vốn góp của chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào thời điểm bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Tuy nhiên, biên bản xác định vốn với Nhà nước của Tổng công ty chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	24.955.000	35,00%
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	10.695.000	15,00%
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	7.130.000	10,00%
Các cổ đông khác	28.520.000	40,00%
Tổng cộng	71.300.000	100%

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	04/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	71.300.000	71.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	71.300.000	71.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có ít rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong kỳ gồm hai hoạt động: hoạt động trồng hoa để bán và hoạt động thương mại bán các sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, trong kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động trồng hoa để bán chưa chiếm đến 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong kỳ. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

22. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Văn phòng Tổng Công ty và Công ty Giống Rau quả Trung Ương - Chi nhánh Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần có trụ sở đặt tại số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có một đơn vị trực thuộc là Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco tại tỉnh Bình Phước. Tổng Công ty trình bày báo cáo theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần về bán hàng và giá trị còn lại của các tài sản bộ phận cho kỳ hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa dịch vụ:

	Khu vực Hà Nội VND	Khu vực Bình Phước VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu thuần về bán hàng	3.922.761.665.176	224.471.851.221	4.147.233.516.397
2. Tài sản bộ phận	5.317.549.903.172	83.334.151.537	5.400.884.054.709

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	4.146.328.027.426
Doanh thu cho thuê mặt bằng	905.488.971
Cộng	4.147.233.516.397

2. Giá vốn hàng hóa

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	4.043.134.795.347
Giá vốn cho thuê mặt bằng	727.641.064
Cộng	4.043.862.436.411

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

MÃU SỐ B09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.913.844.414
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.529.604.000
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong năm	817.884.352
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	22.113.873.331
Lãi phạt khách hàng chậm thanh toán	544.105.054
Chênh lệch tỉ giá đánh giá lại tại thời điểm cuối năm	692.148.944
Cộng	135.611.460.075

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	9.127.650.696
Chênh lệch tỉ giá phát sinh trong năm	59.349.281.988
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	2.202.769.881
Chi phí UPAS trả chậm	77.265.513.803
Chi phí khác	256.422.820
Cộng	148.201.639.188

5. Chi phí bán hàng

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên	3.309.527.869
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	832.545.131
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	29.768.604
Chi phí khấu hao	22.738.986
Chi phí mua ngoài	836.167.546
Chi phí bằng tiền khác	2.796.163.484
Cộng	7.826.911.620

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.078.061.578
Chi phí vật liệu quản lý	494.430.630
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.086.851.296
Chi phí khấu hao	3.357.429.231
Thuế, phí, lệ phí	4.648.058.335
Trích lập dự phòng phải thu	6.325.387.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	10.112.713.032
Cộng	44.102.931.612

7. Thu nhập khác

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.090.909
Các khoản thu nhập khác	618.235.955
Khoản thường nhận từ nhà cung cấp	449.055.748
Cộng	1.076.382.612

8. Chi phí khác

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng	494.900.119
Chi phí khác	318.176.349
Cộng	813.076.468

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	39.114.363.785
Cộng: Chi phí không được trừ khi tính thuế	6.874.652.972
Trừ: Doanh thu không chịu thuế	(17.681.604.000)
Thu nhập tính thuế	28.307.412.757
Thuế suất thuế TNDN	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.661.482.551

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016

đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu". Tổng Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	85.707.518.636
Chi phí nhân công	30.906.814.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.007.776.836
Chi phí dự phòng	6.325.387.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.250.692.165
Chi phí khác bằng tiền	4.361.274.292
Cộng	143.559.464.250

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2016 VND	04/01/2016 VND
Các khoản vay	40.000.000.000	4.885.892.788
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	78.909.624.535	189.012.910.627
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	746.452.881.234	672.668.788.606
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số IV. "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu".

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.909.624.535	189.012.910.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.443.203.378.507	79.350.075.263
Cộng	4.898.597.308.295	370.840.898.662
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	40.000.000.000	4.885.892.788
Phải trả người bán và phải trả khác	4.344.146.208.191	63.498.116.263
Chi phí phải trả	53.544.144.403	516.727.633
Cộng	4.437.690.352.594	68.900.736.684

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phân tích những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các công đồng cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	78.909.624.535	-	78.909.624.535
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.291.991.107.578	151.212.270.929	4.443.203.378.507
Đầu tư dài hạn	-	376.484.305.253	376.484.305.253
Cộng	4.370.900.732.113	527.696.576.182	4.898.597.308.295
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	4.340.597.408.191	3.548.800.000	4.344.146.208.191
Chi phí phải trả	53.544.144.403	-	53.544.144.403
Cộng	4.394.141.552.594	3.548.800.000	4.397.690.352.594
Chênh lệch thanh khoản thuần	(23.240.820.481)	524.147.776.182,00	500.906.955.701
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 04/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	189.012.910.627	-	189.012.910.627
Phải thu khách hàng và phải thu khác	79.350.075.263	-	79.350.075.263
Đầu tư dài hạn	-	102.477.912.772	102.477.912.772
Cộng	268.362.985.890	102.477.912.772	370.840.898.662
Tại 04/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	63.498.116.263	-	63.498.116.263
Chi phí phải trả	516.727.633	-	516.727.633
Các khoản vay	4.885.892.788	-	4.885.892.788
Cộng	68.900.736.684	-	68.900.736.684
Chênh lệch thanh khoản thuần	199.462.249.206	102.477.912.772	301.940.161.978

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Hai thành viên Chipsgood-Vegetexco	Công ty con
Công ty CP Thực phẩm Xuất Khẩu Tân Bình	Công ty liên kết
Công ty XNK Rau quả Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Hộp sắt TOVECAN (Tovecan Corporation Limited)	Công ty liên kết
Công ty XNK Điều và Nông sản TP.HCM (Vinalimex)	Công ty liên kết
Công ty CP Sản xuất & Dịch vụ XNK rau quả Sài Gòn	Công ty liên kết
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	Công ty liên kết
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty CP Cảng Rau Quả Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP in và bao bì Mỹ Châu	Công ty liên kết
Công ty CP XNK Rau Quả SG	Công ty liên kết
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủ công Mỹ Nghệ	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	Chủ sở hữu

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2016	04/01/2016
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	88.468.536.101	-
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	14.201.102.397	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	74.267.433.704	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	3.955.795.140.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	3.495.795.140.000	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	460.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	110.564.777.807	20.191.048.778
Công ty Cổ phần tập đoàn T&T	89.584.617.236	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ Nghệ	7.590.000.000	-
Công ty TNHH 2 thành viên Chipsgood	4.461.372.310	4.437.372.517
Công ty CP In và Bao bì Mỹ Châu	4.128.712.000	2.949.080.000
Công ty CP Cảng rau quả	2.525.280.000	9.469.800.000
Công Ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	2.274.796.261	3.334.796.261
Phải trả ngắn hạn khác	204.905.918.927	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	191.646.298.900	-
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ Nghệ	13.259.620.027	-

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Doanh thu bán hàng	
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	34.230.000.000
Thu tiền bán hàng	
Công ty TNHH T&T Hưng Yên	20.028.897.603
Cổ tức được chia	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	7.077.792.000
Công ty Cổ phần Càng rau quả	2.525.280.000
Công Ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	440.000.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	2.362.300.000
Cổ tức đã nhận bằng tiền	
Công ty Cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	5.898.160.000
Công ty Cổ phần Càng rau quả	9.469.800.000
Công Ty CP Thực phẩm Xuất khẩu Đồng Giao	1.500.000.000
Công ty CP Vật tư và Xuất nhập khẩu	2.462.300.000
CTCP Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower	4.163.114.000
Chi tiền cho vay	
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	3.495.795.140.000
Công ty Cổ phần XNK Thủ Công Mỹ Nghệ	460.000.000.000
Thu tiền hợp tác đầu tư	
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	191.646.298.900

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 04/01/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc	679.433.335
Cộng	<u>679.433.335</u>




3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN
CÔNG TY CỔ PHẦN**Số 2, phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 04/01/2016
đến ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)****MÀU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****4. Số liệu so sánh**

Kỳ tài chính từ ngày 04 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là kỳ tài chính đầu tiên Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần. Do vậy, cột số liệu so sánh cùng kỳ trước tương ứng trên Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ không có. Một số số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của kỳ này như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
		VND	VND	VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	437.928.030.384	-	437.928.030.384
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	365.214.753.097	-	365.214.753.097
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	359.767.140.926	(102.477.912.772)	257.289.228.154
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.244.526.052	102.477.912.772	106.722.438.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	765.937.407.952	-	765.937.407.952


Nguyễn Thị Linh
Người lập
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017
Nguyễn Thị Linh
Kế toán trưởng
Nguyễn Thanh Bình
Tổng Giám đốc